

**S160/HQHCM-GSQL**  
V/v thực hiện đưa hàng về bảo quản theo  
quy định tại Thông tư 39/2018/TT-BTC.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: Các Chi cục trực thuộc Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh

Ngày 20/04/2018 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 39/2018/TT-BTC (có hiệu lực thi hành từ ngày 05/06/2018) sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC 25/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo đó, tại khoản 21 có quy định về sửa đổi, bổ sung Khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều 32 (Đưa hàng về bảo quản).

**I- Căn cứ quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC 25/03/2015 và Thông tư 39/2018/TT-BTC hợp nhất nội dung quy định đưa hàng về bảo quản như sau:**

**Điều 32. Đưa hàng về bảo quản**

1. Hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên được đưa về bảo quản theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư của Bộ Tài chính về doanh nghiệp ưu tiên.

2. Hàng hóa phải kiểm dịch

Việc kiểm dịch được thực hiện tại cửa khẩu. Trường hợp cơ quan kiểm dịch cho phép đưa về các địa điểm kiểm dịch trong nội địa theo quy định của pháp luật để kiểm dịch thì thực hiện việc quản lý, giám sát hải quan như sau:

a) Cơ quan hải quan căn cứ xác nhận của cơ quan kiểm dịch tại Giấy đăng ký kiểm dịch hoặc Giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật (đối với hàng có nguồn gốc thực vật) hoặc Giấy vận chuyển hàng hóa (đối với thủy sản, sản phẩm thủy sản) hoặc chứng từ khác của cơ quan kiểm dịch để giải quyết cho chủ hàng đưa hàng về địa điểm kiểm dịch;

b) Người khai hải quan tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa tại địa điểm kiểm dịch đến khi có kết luận hàng hóa đáp ứng yêu cầu nhập khẩu mới được đưa hàng hóa ra lưu thông, sử dụng;

c) Cơ quan kiểm dịch có trách nhiệm theo dõi, giám sát hàng hóa trong quá trình vận chuyển, kiểm dịch và bảo quản chờ kết quả kiểm dịch theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hàng hóa phải kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm

Hàng hóa phải kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng cạn, kho ngoại quan hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính, trừ những trường hợp sau đây:

a) Trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành chỉ định đưa hàng hóa về địa điểm kiểm tra theo pháp luật về kiểm tra chuyên ngành:

a.1) Người khai hải quan gửi đề nghị đưa hàng về địa điểm kiểm tra theo các tiêu chí quy định tại mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này và gửi kèm 01 bản chụp Giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành đến Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp việc đăng ký kiểm tra chuyên ngành được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải gửi chứng từ này cho cơ quan hải quan.

Trường hợp khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan có văn bản đề nghị theo mẫu số 09/BQHH/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này và gửi kèm 01 bản chụp Giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành đến Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan;

a.2) Trong thời gian 01 giờ làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của người khai hải quan gửi qua Hệ thống, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai xác nhận việc cho phép đưa hàng về địa điểm kiểm tra chuyên ngành trên Hệ thống để phản hồi thông tin cho người khai hải quan.

b) Trường hợp đưa hàng về địa điểm bảo quản hàng hóa của người khai hải quan theo đề nghị của người khai hải quan:

b.1) Người khai hải quan gửi hồ sơ đề nghị đưa hàng về bảo quản cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thông qua Hệ thống, bao gồm:

b.1.1) Đề nghị đưa hàng về bảo quản theo các tiêu chí quy định tại mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này;

b.1.2) Giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chụp.

Trường hợp việc đăng ký kiểm tra chuyên ngành được thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải gửi chứng từ này cho cơ quan hải quan;

b.1.3) Biên bản lấy mẫu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành trong trường hợp lấy mẫu tại cửa khẩu: 01 bản chụp;

b.1.4) Tài liệu chứng minh địa điểm đưa hàng về bảo quản là kho bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh đảm bảo việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP :

b.1.4.1) Đối với địa điểm đưa hàng về bảo quản là địa chỉ trụ sở, cơ sở sản xuất của người khai hải quan đã được đăng ký theo giấy phép đăng ký kinh doanh: 01 bản chụp sơ đồ thiết kế khu vực kho, bãi, địa điểm thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào cứng;

b.1.4.2) Trường hợp địa điểm bảo quản hàng hóa là địa điểm kiểm tra tại chân công trình hoặc cơ sở sản xuất, nhà máy đã được Cục trưởng Cục Hải quan

tin, thành phố quyết định công nhận theo quy định tại Điều 102 Thông tư này: 01 bản chụp Quyết định công nhận;

b.1.4.3) Đối với địa điểm đưa hàng về bảo quản khác: 01 bản chụp các chứng từ chứng minh quyền sử dụng kho bãi, địa điểm bảo quản hàng hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 84/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

Tài liệu quy định tại điểm b.1.4 khoản này, người khai hải quan chỉ phải nộp lần đầu tiên khi đề nghị đưa hàng về địa điểm bảo quản.

b.2) Trong thời gian 02 giờ làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của người khai hải quan về việc đưa hàng về bảo quản được người khai hải quan gửi qua Hệ thống, nếu người khai hải quan không thuộc diện doanh nghiệp không được phép đưa hàng về bảo quản theo quy định tại khoản 6 Điều này, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai xác nhận việc cho phép đưa hàng về địa điểm bảo quản trên Hệ thống để phản hồi thông tin cho người khai hải quan.

c) Người khai hải quan tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc vận chuyển, bảo quản nguyên trạng hàng hóa đến khi có kết luận kiểm tra hàng hóa đáp ứng yêu cầu nhập khẩu và cơ quan hải quan quyết định thông quan hoặc giải phóng hàng. Ngay sau khi hàng hóa được đưa về địa điểm kiểm tra hoặc địa điểm bảo quản, người khai hải quan phải thông báo về hàng hóa đã đến đích cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống theo chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này. Hết thời hạn đã đăng ký tại mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này mà người khai hải quan chưa thông báo hàng hóa đến đích (trừ trường hợp bất khả kháng), người khai hải quan không được đưa hàng về bảo quản cho các lô hàng tiếp theo cho đến khi cơ quan hải quan kiểm tra, xác nhận hàng hóa đã được đưa về bảo quản theo đúng quy định.

Trường hợp bất khả kháng không thể đưa hàng hóa về địa điểm kiểm tra hoặc địa điểm bảo quản đúng thời hạn đã đăng ký với cơ quan hải quan, người khai hải quan áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo nguyên trạng hàng hóa và thông báo ngay cho cơ quan hải quan theo số điện thoại đường dây nóng được công bố trên Công thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan. Trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển để xác nhận, sau đó thông báo lại với cơ quan hải quan để xử lý theo quy định.

Trong thời gian bảo quản hàng hóa, trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành yêu cầu đưa hàng hóa vào lắp đặt, vận hành để thực hiện kiểm tra chuyên ngành, người khai hải quan có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan bằng văn bản trước khi lắp đặt, vận hành. Căn cứ thông báo của người khai hải quan, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan thực hiện giám sát theo nguyên tắc quản lý rủi ro; trường hợp công chức hải quan giám sát trực tiếp tại địa điểm lắp đặt, vận hành thì lập Biên bản chứng nhận việc đưa hàng hóa vào lắp đặt, vận hành. Sau khi cơ quan kiểm tra chuyên ngành kết thúc việc kiểm tra, người khai hải quan tự chịu trách nhiệm trước

pháp luật trong việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa đến khi có kết luận kiểm tra hàng hóa đáp ứng yêu cầu nhập khẩu và cơ quan hải quan quyết định thông quan hoặc giải phóng hàng.

4. Đối với hàng hóa nhập khẩu vừa phải kiểm dịch, vừa phải kiểm tra an toàn thực phẩm; vừa phải kiểm dịch vừa phải kiểm tra chất lượng thì thực hiện thủ tục đưa hàng về bảo quản như đối với hàng hóa nhập khẩu phải kiểm dịch quy định tại khoản 2 Điều này.

#### 5. Kiểm tra việc bảo quản hàng hóa

##### a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

a.1) Đối với trường hợp đưa về bảo quản theo đề nghị của người khai hải quan: nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản, trừ trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành đã gửi kết luận kiểm tra cho cơ quan hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP hoặc việc kiểm tra kéo dài theo xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành;

a.2) Xuất trình hàng hóa đang bảo quản để cơ quan hải quan kiểm tra khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra tại địa điểm bảo quản.

##### b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan:

b.1) Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tổ chức kiểm tra việc bảo quản hàng hóa trong các trường hợp sau:

b.1.1) Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản nhưng chưa nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành và cơ quan kiểm tra chuyên ngành không có văn bản xác nhận kéo dài thời gian kiểm tra. Trong thời gian chờ kiểm tra, xử lý, người khai hải quan không được đưa về bảo quản đối với các lô hàng tiếp theo;

b.1.2) Có thông tin về việc lô hàng nhập khẩu không được bảo quản theo đúng quy định của pháp luật hoặc không đưa về địa điểm bảo quản theo thời hạn đã đăng ký;

b.1.3) Địa điểm bảo quản đã đăng ký chưa được cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra và xác nhận địa điểm kiểm tra đảm bảo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày cho phép đưa hàng về bảo quản lô hàng đầu tiên của người khai hải quan, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai tổ chức việc kiểm tra và cập nhật kết quả kiểm tra trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Trường hợp địa điểm bảo quản không thuộc địa bàn của Cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai căn cứ tình hình thực tế để trực tiếp tổ chức kiểm tra hoặc báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố đề nghị Cục Hải quan nơi có địa điểm bảo quản tổ chức việc kiểm tra việc bảo quản hàng hóa của người khai hải quan.

Trường hợp hàng hóa được lưu giữ tại những địa điểm không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP thì cơ quan hải

quan thực hiện kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng và xử lý theo quy định. Người khai hải quan không được đưa về bảo quản đối với các lô hàng tiếp theo.

b.2) Kết thúc kiểm tra, công chức hải quan phải lập Biên bản chứng nhận việc kiểm tra. Trường hợp xác định hàng hóa đưa về bảo quản không đảm bảo nguyên trạng hoặc bảo quản không đúng địa điểm đã đăng ký hoặc địa điểm bảo quản không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại điểm b.1.4 khoản 3 Điều này, hàng hóa chưa có kết quả kiểm tra chuyên ngành mà không có văn bản xác nhận kéo dài thời gian kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì lập Biên bản vi phạm hành chính về hải quan và xử lý theo quy định của pháp luật;

b.3) Cập nhật danh sách doanh nghiệp vi phạm không được mang hàng về bảo quản theo quy định tại khoản 6 Điều này vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

c) Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi quản lý địa điểm bảo quản hàng hóa phân công cho đơn vị trực thuộc thực hiện việc kiểm tra tình trạng bảo quản hàng hóa theo đề nghị của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thông qua thông tin trên Hệ thống về hàng hóa được phép đưa về bảo quản tại địa bàn.

#### 6. Các trường hợp không được đưa về bảo quản

Nếu vi phạm quy định đưa hàng về bảo quản, ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật, người khai hải quan không được tiếp tục mang hàng hóa về bảo quản:

a) Trong thời gian 01 năm kể từ ngày bị cơ quan hải quan lập Biên bản vi phạm về hành vi không đảm bảo nguyên trạng hàng hóa; bảo quản hàng hóa không đúng địa điểm đăng ký với cơ quan hải quan; kho bãi lưu giữ hàng hóa không đảm bảo quy định tại điểm b.1.4 khoản 3 Điều này;

b) Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về thời hạn nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành nêu tại điểm a.1 khoản 5 Điều này.”

**II- Tổng cục Hải quan có Công văn số 3899/TCHQ-GSQL ngày 04/07/2018 về việc xử lý vướng mắc tại Nghị định 59 và các văn bản hướng dẫn giải. Trong đó có nội dung về đưa hàng về bảo quản như sau:**

Số TT	Nội dung vướng mắc, kiến nghị của Hải quan địa phương	Trả lời của TCHQ
01	<p>Khoản 3 quy định người khai Hải quan phải gửi hồ sơ đề nghị đưa hàng về bảo quản cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thông qua Hệ thống, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đề nghị đưa hàng về bảo quản theo các tiêu chí quy định tại mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;</li><li>- Biên bản lấy mẫu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành trong trường hợp lấy</li></ul>	<p>Trong trường hợp này, người khai hải quan nộp Biên bản lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư 27/2017/TT-BNNPTNT khi đề nghị đưa hàng về bảo quản.</p>

	<p>mẫu tại cửa khẩu.</p> <p>Vướng mắc: Đối với mặt hàng Muối nhập khẩu, hiện tại, cơ quan kiểm tra chuyên ngành không thực hiện lấy mẫu; Mẫu biên bản lấy mẫu kèm theo Thông tư 27/2017/TT0-BNNPTNT không có phần xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành, như vậy, doanh nghiệp không thể có biên bản lấy mẫu để nộp cho cơ quan hải quan theo quy định nêu trên.</p> <p>(HQ Hà Nội)</p>	
02	<p>Tại Khoản 3 Điều 32 thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 21, Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC: Hàng hóa phải kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành chỉ định đưa hàng hóa về địa điểm kiểm tra theo pháp luật về kiểm tra chuyên ngành thì Người khai hải quan gửi đề nghị đưa hàng về địa điểm kiểm tra theo các tiêu chí quy định tại mẫu số 18 Phụ lục II.</p> <p>Tại mẫu số 18: Mục 18.9 Mã địa điểm đưa hàng về bảo quản; mục 18.10 Tên địa điểm đưa hàng về bảo quản Tại 02 mục này có cho phép nhập nhiều địa điểm đưa hàng về bảo quản hay không? Bởi thực tế mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, theo giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch, lô hàng trên 1 tờ khai có thể được đưa về nhiều địa điểm bảo quản khác nhau.</p> <p>(HQ Hà Nội)</p>	<p>Hiện Tổng cục Hải quan đang xây dựng hệ thống để có thể thực hiện việc trao đổi thông tin về việc bảo quản hàng hóa giữa người khai hải quan và cơ quan hải quan. Trong thời gian chờ hệ thống đi vào hoạt động, việc đề nghị đưa hàng về bảo quản đề nghị đơn vị hướng dẫn người khai hải quan sử dụng mẫu 09/BQHH/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư 38. Mặt khác, tại Thông tư cũng không giới hạn việc bảo quản hàng hóa tại nhiều địa điểm khác nhau, tuy nhiên, người khai hải quan phải kê khai đầy đủ các địa điểm bảo quản.</p>
03	<p>Điểm b. 1.4.2 khoản 3 Điều 32 Thông tư 38 được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39: Trường hợp địa điểm bảo quản hàng hóa là địa điểm kiểm tra tại chân công trình hoặc cơ sở sản xuất, nhà máy đã được Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định công nhận theo quy định tại Điều 102 Thông tư này: 01 bản chụp quyết định công nhận.</p> <p>Tuy nhiên, địa điểm kiểm tra đều được cấp mã nên không cần thiết phải nộp 1 bản chụp nữa. Mặt khác, hiện nay hệ thống chưa khai báo được thời hạn của địa điểm kiểm tra (VNACCS).</p> <p>(HQ Quảng Ninh)</p>	<p>Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC.</p> <p>Tổng cục Hải quan ghi nhận kiến nghị để xây dựng hệ thống quản lý tập trung các địa điểm kiểm tra trên toàn quốc và không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản chụp quyết định công nhận.</p>
04	<p>Theo điểm b.3 khoản 5 Điều 32 Thông tư 38</p>	<p>Hiện Tổng cục Hải quan đã xây</p>


	<p>được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39, Chi cục Hải quan có trách nhiệm: Cập nhật danh sách doanh nghiệp vi phạm không được mang hàng về bảo quản theo quy định tại khoản 6 Điều này vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</p> <p>Hiện tại cơ quan hải quan chỉ cập nhật hồ sơ vi phạm trên hệ thống QLVP14, chưa có hướng dẫn cụ thể nhập liệu trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan nội dung này ở đâu.</p> <p>(HQ Quảng Ninh)</p>	<p>dựng Hệ thống để các đơn vị có thể cập nhật thông tin doanh nghiệp không được phép đưa hàng về bảo quản, trước mắt đề nghị các đơn vị thông báo danh sách các doanh nghiệp không được đưa về bảo quản để Cục Hải quan các tỉnh, thành phố khác biết phối hợp theo dõi.</p>
05	<p>Tại tiết b điểm 5 khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC về trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan trong việc kiểm tra bảo quản hàng hóa quy định:</p> <p>“b.1.1) Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản nhưng chưa nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành và cơ quan kiểm tra chuyên ngành không có văn bản xác nhận kéo dài thời gian kiểm tra. Trong thời gian chờ kiểm tra, xử lý, người khai hải quan không được đưa về bảo quản đối với các lô hàng tiếp theo”</p> <p>Việc quy định như vậy có được hiểu là Doanh nghiệp không được mang hàng về bảo quản trên phạm vi toàn quốc hay không? Trong trường hợp cập nhật Danh sách doanh nghiệp không được mang hàng về bảo quản trên phạm vi toàn quốc thì thời hạn doanh nghiệp không được mang hàng về bảo quản có được tính từ ngày thứ 31 hay không vì tại điểm 6 khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định:</p> <p>a) Trong thời gian 01 năm kể từ ngày bị cơ quan hải quan lập Biên bản vi phạm về hành vi không đảm bảo nguyên trạng hàng hóa...</p> <p>b) Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về thời hạn nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành.</p> <p>Và thời hạn không được mang hàng về bảo quản là 06 tháng hay 01 năm vì chưa thể xác định được doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định tại tiết a điểm 6 khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC hay không?</p> <p>(HQ Lạng Sơn)</p>	<p>Theo quy định tại điểm b.1.1 khoản 5 Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC thì việc không cho doanh nghiệp đưa về bảo quản đối với trường hợp quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản nhưng chưa nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành và cơ quan kiểm tra chuyên ngành không có văn bản xác nhận kéo dài thời gian kiểm tra để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện việc kiểm tra, xác minh, sau khi có kết quả xác minh nếu xác định việc chậm nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành là do lỗi của người khai hải quan thì thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo quy định và không cho doanh nghiệp đưa hàng về bảo quản theo quy định. Do vậy, trong thời gian thực hiện kiểm tra, xác minh thì việc không cho người khai hải quan đưa hàng về bảo quản chỉ áp dụng trong phạm vi Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai.</p>

### III- Chỉ đạo của Lãnh Đạo Cục Hải quan TPHCM:

- Chi cục trưởng các Chi cục tổ chức quán triệt đến CBCC thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ đúng quy định về đưa hàng bảo quản tại tại Thông tư 38/2015/TT-BTC 25/03/2015, Thông tư 39/2018/TT-BTC và CV 3899/TCHQ-GSQL kể trên.

- Trong quá trình thực hiện kịp thời báo cáo Lãnh đạo Cục thông quan Phòng GSQL các vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền và đề xuất xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các Chi cục trực thuộc nghiêm túc thực hiện các nội dung nêu trên./.



#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Đinh Ngọc Thắng - CT(để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, GSQL, Triển (04b).

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Nghiệp